

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

--- & ---



HỒ SƠ MỜI THẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Tên gói thầu: **Cung cấp lắp đặt PRU dự phòng cấp khí cho khách hàng
Nhôm Đông Á**

Phát hành ngày: 3 / 11 /2025

Ban hành theo quyết định số: 481./QĐ - CNG ngày 03./11./2025

Tp HCM, ngày 03. tháng 11. năm 2025

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam 



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Xuân

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời thầu	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam
Gói thầu	Cung cấp lắp đặt PRU dự phòng cấp khí cho khách hàng Nhôm Đông Á
ĐKHD	Điều kiện của hợp đồng
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 90/2025/QH15
VND	Đồng Việt Nam

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam mời nhà thầu tham gia dự thầu chào hàng cạnh tranh theo Quy định của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

2. Tên gói thầu: Cung cấp lắp đặt PRU dự phòng cấp khí cho khách hàng Nhóm Đông Á.

3. Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh.

4. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

5. Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;

b) Hạch toán tài chính độc lập;

c) Không đang trong quá trình giải thể hoặc đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản hoặc pháp luật của nước mà nhà thầu được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác;

d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

g) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn danh sách ngắn.

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các Điểm d và g Khoản 1 Mục này.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSMT

1. Làm rõ HSMT

Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu muộn nhất vào ngày **10/11/2025**. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSMT của nhà thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà thầu khác đã mua hoặc nhận HSMT từ bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSMT theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSMT

Trường hợp sửa đổi HSMT, bên mời thầu sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSMT không muộn hơn ngày **8/11/2025**.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSMT, bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi HSMT.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong Hồ sơ dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.
2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
3. HSDT cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDT được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDT

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Bản cam kết thực hiện gói thầu theo Mẫu số 06 Chương III – Biểu mẫu;
3. Bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;
4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, đề xuất kỹ thuật;
5. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu.

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSMT.

2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong cột “Mô tả công việc mời thầu” tại Bảng tổng hợp giá chào quy định tại Mẫu số 04 Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSMT và không được chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn dự thầu hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDT hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT và được mở đồng thời cùng HSDT của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDT và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDT

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT là **40** ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu

không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.

Mục 9. Bảo đảm dự thầu

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu bằng chuyển khoản hoặc séc bảo chi hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: **45.000.000 VNĐ** (Bốn mươi lăm triệu đồng).

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: **70 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

4. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định sau:

a) Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa đảm bảo dự thầu cho nhà thầu không được lựa chọn theo thời gian quy định trong HSMT nhưng không quá 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu tại Mục 20 Chương 1.

b) Bảo đảm dự thầu bị tịch thu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, nhà thầu rút hồ sơ dự thầu hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

- Nhà thầu vi phạm dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu tại Mục 20 Chương 1;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lý do khác được Bên mời thầu chấp thuận); không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu trừ trường hợp bất khả kháng; đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mục 10. Quy cách HSDT

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 01 bản chụp HSDT đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDT, HSDT sửa đổi, HSDT thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDT của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDT nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền).

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDT

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là **14 giờ 00 phút ngày 13 tháng 11 năm 2025**.

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSDT của tất cả nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSMT khi HSDT được tiếp nhận. Trường hợp nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu thì HSDT bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDT thì nhà thầu nộp HSDT thay thế hoặc HSDT sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 12. Mở thầu

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDT của các nhà thầu vào lúc **14 giờ 30 phút ngày 13 tháng 11 năm 2025** trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào thầu.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDT và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy

định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

Mục 13. Làm rõ HSDT

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình đến bên mời thầu trước **ngày 14 tháng 11 năm 2025**. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Nhà thầu phụ: Không áp dụng

Mục 15. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu: Không áp dụng.

Mục 16. Đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDT được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng (nếu cần thiết) dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSDT; HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu; HSMT.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế, yêu cầu của gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào.

b) Việc thương thảo đối với phần sai lệch thiếu hoặc phần khối lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế, yêu cầu của gói thầu: trường hợp trong hồ sơ dự thầu chưa có đơn giá thì xem xét việc áp đơn giá thấp nhất của các nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật hoặc theo đơn giá thỏa thuận nhưng đảm bảo thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu, trường hợp gói thầu thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói thì tổng giá dự thầu sau khi thực hiện thương thảo tại Điểm này phải đảm bảo không vượt dự toán gói thầu.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu, giữa các nội dung khác nhau trong hồ sơ dự thầu có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong hồ sơ dự thầu (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong hồ sơ mời thầu có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế.

c) Thương thảo về nhân sự:

Nhà thầu có thể thay đổi nhân sự thực hiện gói thầu nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.

- e) Thương thảo về giảm giá (nếu có).
- g) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 17. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDT hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt.

Mục 18. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào thầu theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên trang Mua sắm công của Bộ kế hoạch Đầu tư.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 19. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMT thì bên mời thầu sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, bên mời thầu sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Bên mời thầu phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 20. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Nhà thầu thực hiện một trong các biện pháp đặt cọc bằng séc bảo chi hoặc nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

2. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

3. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu theo mức 3% giá trúng thầu/hợp đồng.

4. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng tính từ ngày hợp đồng

có hiệu lực cho đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc ngày chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với trường hợp có quy định về bảo hành. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện gói thầu, phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

5. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 21. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau: Gửi thư kiến nghị có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu (nếu có) đến Chủ đầu tư.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư:

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Ông Nguyễn Hữu Xuân – Phó Giám đốc, số 475 Nguyễn An Ninh – Phường Tam Thắng – Thành phố Hồ Chí Minh, Fax: 02543 574 619, ĐT: 02543 574 635;

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền:

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Ông Nguyễn Hữu Xuân – Phó Giám đốc, số 475 Nguyễn An Ninh – Phường Tam Thắng – Thành phố Hồ Chí Minh, Fax: 02543 574 619, ĐT: 02543 574 635;

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn:

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Ông Trần Sỹ Trung – Trưởng Phòng Thương mại Đầu tư, số 475 Nguyễn An Ninh – Phường Tam Thắng – Thành phố Hồ Chí Minh, Fax: 02543 574 619, ĐT: 02543 574 635.



Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

1.1. Kiểm tra HSDT

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDT;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDT theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDT.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDT

HSDT được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDT;
- b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSMT;
- d) Giá chào ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu;
- đ) Thời gian có hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- e) Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- h) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 dưới đây. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự; năng lực kỹ thuật: số lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ chủ chốt, số lượng thiết bị chủ yếu có khả năng huy động để thực hiện gói thầu (nếu có yêu cầu); doanh thu bình quân hàng năm; việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá về năng lực tài chính của nhà thầu.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Yêu cầu	Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả		
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng đo lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành đo lỗi của nhà thầu.	Mẫu số 08
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu, cụ thể: năm 2024.	Tờ khai quyết toán thuế và xác nhận đã nộp thuế.
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính 2022, 2023, 2024 có giá trị tối thiểu là 4.422.499.998 VND.	Mẫu số 09
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó: Hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: hợp đồng thi công, lắp đặt thiết bị công trình đầu khí; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 2.427.899.999 VND.	Mẫu số 07

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về về nhân sự chủ chốt

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

Nhà thầu chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDT của nhà thầu bị loại.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 05A, 05B Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/ trình độ chuyên môn
1	Chỉ huy trưởng công trình	1	Tối thiểu 3 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	- Bằng đại học hoặc Cao đẳng; - Có thời gian kinh nghiệm tham gia hoạt động thi công công trình từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng. - Có chứng chỉ ATVSLĐ còn hiệu lực.
2	Cán bộ kỹ thuật thi công cơ khí	1	Tối thiểu 2 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	- Bằng đại học hoặc Cao đẳng trở lên chuyên ngành cơ khí; - Có chứng chỉ ATVSLĐ còn hiệu lực.
3	Cán bộ kỹ thuật điện	1	Tối thiểu 2 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	- Bằng đại học hoặc Cao đẳng trở lên chuyên ngành điện; - Có chứng chỉ ATVSLĐ còn hiệu lực.
4	Cán bộ phụ trách ATVSLĐ	1	Tối thiểu 2 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	- Chứng chỉ đào tạo giám sát an toàn; - Có chứng chỉ ATVSLĐ còn hiệu lực.
5	Thợ hàn	2	Tối thiểu 2 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	- Có chứng chỉ hàn ống công nghệ, chứng nhận bởi tổ chức như LR, ABS, DNV, BV; - Có chứng chỉ ATVSLĐ còn hiệu lực.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Các tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được áp dụng theo tiêu chí “đạt” “không đạt”. Nhà thầu phải đạt cả 04 nội dung nêu tại khoản 1,2,3,4,5 trong bảng dưới đây thì được đánh giá là “đạt” yêu cầu về kỹ thuật và được xem xét, đánh giá tiếp theo. Các khoản 1,2,3,4,5 chỉ được đánh giá là “đạt” khi tất cả các nội dung chi tiết trong từng khoản được đánh giá là “đạt”. Các trường hợp nhà thầu không đạt bất kỳ các nội dung

yêu cầu 1,2,3,4,5 thì được đánh giá là “**không đạt**” và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật của nhà thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	Nhà thầu đề xuất biện pháp thi công, cam kết đầy đủ từng hạng mục chính cụ thể như sau:		
1	Yêu cầu về kỹ thuật		
	Tuân theo mục 4.3 phạm vi công việc CNG.TMĐT.SOW.07 đính kèm.	Có cam kết	Không có cam kết
2	Yêu cầu về công tác kiểm tra		
	Tuân theo mục 5.1 phạm vi công việc CNG.TMĐT.SOW.07 đính kèm.	Có cam kết	Không có cam kết
3	Yêu cầu về nghiệm thu, bàn giao		
	Tuân theo mục 5.2 của phạm vi công việc CNG.TMĐT.SOW.07 đính kèm.	Có cam kết	Không có cam kết
4	Yêu cầu về an toàn		
	Tuân theo mục 5.2 của phạm vi công việc CNG.TMĐT.SOW.07 đính kèm.	Có cam kết	Không có cam kết
5	Tiến độ và bảo hành		
5.1	Thời gian thực hiện gói thầu (bao gồm cả thứ 7, chủ nhật, ngày lễ) và đưa vào vận hành.	≤ 90 ngày	> 90 ngày
5.2	Có bảng tiến độ thực hiện cụ thể từng công việc, hạng mục và có tính khả thi để thực hiện.	Đáp ứng	Không đáp ứng
5.3	Thời gian bảo hành	Có cam kết bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng	Không có hoặc có cam kết bảo hành < 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng
5.4	Thời gian có mặt tại hiện trường xử lý sự cố trong quá trình thời gian bảo hành.	≤ 24 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo	> 24 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo
Kết luận		Đạt	Không đạt
		Đạt tất cả các nội dung yêu cầu tại mục 1,2,3,4,5	Không đạt bất kỳ các nội dung yêu cầu tại mục 1,2,3,4,5

Mục 4. Đánh giá về giá theo phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà thầu. HSDT có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSDT của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDT của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn dự thầu.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: ___ tháng ___ năm 20 ___

Tên công trình:

Kính gửi: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ___ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ___ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại ___ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết thực hiện gói thầu ___ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ___ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾ cùng với Bảng tổng hợp giá chào kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ___ [Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
5. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
6. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.
7. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ___ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu ⁽⁶⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp dự thầu, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSMT.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSMT.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _ [Ghi tên dự án] do _ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự nhà thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)***Bên thụ hưởng:** ___ *[Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời thầu]***Ngày phát hành bảo lãnh:** ___ *[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]***BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** ___ *[Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]***Bên bảo lãnh:** ___ *[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*Chúng tôi được thông báo rằng ___ *[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ *[Ghi tên gói thầu]*.Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ___ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.
6. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ mời thầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Bên mời thầu sẽ đưa ra danh sách các hạng mục công việc và chi tiết từng hạng mục của gói thầu trong cột “Mô tả công việc mời thầu” cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu tương ứng, phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công đính kèm HSMT này. Mỗi hạng mục sẽ được mô tả chi tiết để hướng dẫn rõ ràng cho nhà thầu, bao gồm: loại công việc, phạm vi công việc, mức độ phức tạp, tiêu chuẩn yêu cầu.

Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá chào của nhà thầu phải bao gồm chi phí dự phòng và các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại.

Stt	Mô tả công việc mời thầu ⁽¹⁾	Đơn vị tính ⁽²⁾	Khối lượng mời thầu ⁽³⁾	Đơn giá ⁽⁴⁾	Thành tiền trước thuế ⁽⁵⁾	Thuế VAT 10% ⁽⁶⁾	Thuế VAT 8% ⁽⁷⁾	Thành tiền sau thuế ⁽⁸⁾	Ghi chú
I	Cụm giảm áp CNG 2000 Sm3/h								
	Hệ thống ống góp cao áp 2-inch, 3 trụ xả 1-inch kết nối xe bồn với thiết bị giảm áp.								
	Thiết kế 02 nhánh vận hành song song: 01 nhánh vận hành, 01 nhánh dự phòng								
	Áp suất đầu vào: 250 barg, áp suất đầu ra: 2-7 barg								
	Van điều áp cấp 1, cấp 2: Hãng/ Xuất xứ: G20/Việt Nam								
	Van chặn đầu vào, đầu ra, shutdown van, van an toàn, van xả vent: Hãng/ Xuất xứ: G20/Việt Nam.								
	Đồng hồ cơ đo nhiệt độ, áp suất; thiết bị truyền tín hiệu nhiệt độ, áp suất: Wika/Stiko hoặc tương đương, xuất xứ: G20/Việt Nam.								
	Thiết bị lọc cao áp trước đầu vào van điều áp cấp 1, lọc thấp áp sau van điều áp cấp 2 trước khi kết nối vào ống công nghệ thấp áp cấp khí cho khách hàng: Hãng/Xuất xứ: G20/ Việt Nam.	Cụm	01						
	Hệ thống trao đổi nhiệt gia nhiệt cho 2 cấp giảm áp riêng biệt: Hãng/ xuất xứ: G20/ Việt Nam: Sử dụng điện 3 pha để gia nhiệt, dung môi nước cất pha dung dịch coolant chống đóng cặn theo tỷ lệ 4:1; Đảm bảo nhiệt độ đầu ra của khí CNG sau các cấp giảm áp ≥ 15°C; Có vị trí châm nước, van xả đáy, vị trí đấu điện 3 pha, đồng hồ cơ đo nhiệt độ, truyền tín hiệu nhiệt độ, thước thủy.								
	Đồng hồ cơ đo nhiệt độ áp suất, đồng hồ điện đo nhiệt độ áp suất, đầu dò khí, còi báo.								

Stt	Mô tả công việc mời thầu ⁽¹⁾	Đơn vị tính ⁽²⁾	Khối lượng mời thầu ⁽³⁾	Đơn giá ⁽⁴⁾	Thành tiền trước thuế ⁽⁵⁾	Thuế VAT 10% ⁽⁶⁾	Thuế VAT 8% ⁽⁷⁾	Thành tiền sau thuế ⁽⁸⁾	Ghi chú
II	Hạng mục điện, điều khiển								
	Cáp điện động lực từ tủ điện động lực đến các thiết bị trong trạm và phụ kiện đi kèm: Hãng / Xuất xứ: G20/ Việt Nam								
	Tủ điều khiển PLC+HMI: SIEMENS/ NIC hoặc tương đương	Cụm	01						
	Container điều khiển 10 feet (bao gồm 1 máy lạnh công suất 1 HP, 1 bộ đèn chiếu sáng, 01 bộ bàn ghế làm việc)								
	Máy nén khí 1 pha, 220V, 2.5HP								
III	Hạng mục chống sét, tiếp địa, PCCC								
	Hệ thống chống sét tiếp địa cho trạm.								
	Kiểm định hệ thống tiếp đất cho trạm.								
	Bình bột CO2 loại 5kg, bình chữa cháy bột ABC loại 8kg, tủ đựng bình chữa cháy, bộ nội qui tiêu lệnh chữa cháy, biển báo an toàn cho trạm, đầu dò khí, đầu dò khói, chuông báo cháy được bố trí theo đúng yêu cầu của pháp luật.	Cụm	01						
	Thiết bị Gas Dector, Smoke Detector: Hãng/ Xuất xứ: G20/VN								
	Thực hiện các thủ tục về PCCC cho công trình đúng theo yêu cầu của pháp luật								
IV	Hạng mục khác								
	Kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLD								
	Kiểm định toàn bộ hệ thống đường ống (cao áp, hệ thống PRU, thấp áp) cho trạm cấp khí.	Cụm	01						
	Chạy thử, nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.								
	TỔNG CỘNG								

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Cột (1), (2) và (3) được lập trên cơ sở Bảng tiên lượng trong Chương IV: yêu cầu đối với gói thầu;
- Cột (4), (5), (6), (7), (8) do nhà thầu chào;
- Trường hợp nhà thầu phát hiện Bảng tiên lượng trong Chương IV chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu thông báo cho bên mời thầu và lập một bảng riêng cho phần khối lượng sai khác này để bên mời thầu xem xét, không ghi chung vào biểu này.

BẢNG KÊ KHAI NHÂN SỰ CHỦ CHỐT ⁽¹⁾

1.	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2.	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
...	Vị trí công việc
	Tên

Ghi chú:

(1) Sử dụng Bảng này nếu Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT có quy định về nội dung nhân sự chủ chốt.

(2) Nhà thầu phải gửi kèm theo bản lý lịch, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt để chứng minh sự đáp ứng yêu cầu so với HSMT.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			

Ghi chú:

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của nhân sự chủ chốt, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải kèm các tài liệu chứng minh kinh nghiệm chuyên môn của các nhân sự chủ chốt.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]

Kính gửi: _____ [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu, văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và phạm vi công việc đính kèm hồ sơ mời thầu do _____ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết đã nghiên cứu kỹ các thông tin và sẽ thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của phạm vi công việc được duyệt và bảo đảm thực hiện các yêu cầu khác theo đúng quy định của hồ sơ mời thầu.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng ⁽³⁾	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phân công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phân công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]	
E-mail:	[ghi địa chỉ e-mail]	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II⁽¹⁾		
1. Loại dịch vụ	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]	
3. Quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương II			
<input type="checkbox"/> Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.			
<input type="checkbox"/> Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMT			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp. Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu.

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
2. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:
 - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
 - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
 - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
 - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
 - Báo cáo kiểm toán (nếu có);
 - Các tài liệu khác.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Giới thiệu về gói thầu

a) Gói thầu:

- Tên gói thầu: Cung cấp lắp đặt PRU dự phòng cấp khí cho khách hàng Nhôm Đông Á.
- Bên mời thầu: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam.
- Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh.

b) Địa điểm thực hiện: Nhà máy Nhôm Đông Á, Cụm CN Tân Dân, Phường Lê Đại Hành, Thành phố Hải Phòng.

c) Quy mô: Theo Phạm vi công việc số CNG.TMĐT.SOW.07 ngày 9/10/2025 đính kèm.

d) Tiến độ thực hiện công trình: 90 ngày.

Mục 2. Yêu cầu về tiến độ:

Stt	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu dự kiến	Ngày hoàn thành dự kiến
1	Cung cấp lắp đặt PRU dự phòng cấp khí cho khách hàng Nhôm Đông Á	6/12/2026	6/3/2026

Mục 3. Các bản vẽ:

Bản vẽ thiết kế như trong Phạm vi công việc số CNG.TMĐT.SOW.07 đính kèm.

Mục 4. Bảng tiên lượng:

Phụ lục I Bảng tổng hợp khối lượng của Phạm vi công việc số CNG.TMĐT.SOW.07 đính kèm.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: ____/2025/HĐKT – CNG.

Gói thầu: Cung cấp lắp đặt PRU dự phòng cấp khí cho khách hàng Nhôm Đông Á.

- Căn cứ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____.

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm 2025 của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Cung cấp lắp đặt PRU dự phòng cấp khí cho khách hàng Nhôm Đông Á”.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên bên mời thầu: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Địa chỉ: số 475 Nguyễn An Ninh, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 02543. 574635

Fax: 02543. 574619

Tài khoản: 7600227119

Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bà Rịa Vũng Tàu

Mã số thuế: 3500800828

Đại diện: ông Nguyễn Hữu Xuân

Chức vụ: Phó Giám đốc

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số 07/UQ-GĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

Tài khoản: _____

Tại: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện công việc “Cung cấp lắp đặt PRU dự phòng cấp khí cho khách hàng Nhôm Đông Á” theo đúng Phạm vi công việc kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau :

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục).
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
4. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có).
5. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu (nếu có).
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh

toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết tiến hành công việc “Cung cấp lắp đặt PRU dự phòng cấp khí cho khách hàng Nhôm Đông Á” theo đúng Phạm vi công việc nêu trong HSMT, tuân thủ quy định của pháp luật và của Bên A trong và sau quá trình thi công đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá trị hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Số lần thanh toán:

Đợt 1: Tạm ứng: Bên A tạm ứng cho Bên B 30% (ba mươi phần trăm) giá trị hợp đồng trong vòng 5 (năm) ngày làm việc khi bên A nhận được các chứng từ hợp lệ sau:

- ✓ Giấy đề nghị tạm ứng 30% giá trị hợp đồng (01 bản gốc);
- ✓ Chứng thư bảo đảm thực hiện hợp đồng như quy định tại Điều 9 của hợp đồng (01 bản gốc);
- ✓ Chứng thư bảo lãnh tiền tạm ứng (mẫu số 3 của hợp đồng) tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam (chẳng hạn như VCB, BIDV, ACB, MB, Techcom bank) để bảo lãnh cho số tiền tạm ứng với giá trị bằng với giá trị tạm ứng (01 bản gốc). Chứng thư bảo lãnh tiền tạm ứng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cộng thêm 90 ngày (01 bản gốc).

Đợt 2: Thanh toán đến 100% giá trị quyết toán của hợp đồng trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc khi Bên B cung cấp các chứng từ thanh toán hợp lệ sau :

- ✓ Giấy đề nghị thanh toán đến 100% giá trị quyết toán hợp đồng (01 bản gốc);
- ✓ Hóa đơn bằng 100% giá trị hợp đồng (01 bản gốc);
- ✓ Các chứng chỉ chất lượng (C/Q), chứng chỉ xuất xứ (C/O) của vật tư chính, các chứng chỉ kiểm định như quy định tại Phụ lục II của Hợp đồng (bản gốc/bản sao);
- ✓ Biên bản bàn giao và nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng (01 bản gốc);
- ✓ Biên bản quyết toán giá trị hợp đồng (01 bản gốc);
- ✓ Chứng thư bảo lãnh bảo hành (mẫu số 02 của hợp đồng) trị giá 5% giá trị quyết toán hợp đồng (01 bản gốc).

Điều 6. Loại hợp đồng:

Hợp đồng trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng.

Tiến độ thực hiện công việc: 90 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: _____ [Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu].

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam (chẳng hạn như VCB, BIDV, ACB, MB, Techcom bank...) theo Mẫu số 01, Phụ lục III chương này.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng (3% giá hợp đồng): _____ đồng (Bằng chữ: _____ triệu đồng.).

- Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng trong vòng ____ (____) ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến khi 02 Bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng hoặc _____ ngày kể từ ngày phát hành.

- Nếu bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Bên B chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào trước thời điểm ngày hết hạn, Bên B sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày bên A bàn giao công trường thi công cho bên B.

b) Bên B bị phá sản, giải thể.

c) Bên B chậm hoàn thành công trình tới mức phạt lên tới 8% (tám phần trăm) giá trị vi phạm của hợp đồng.

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Phạt vi phạm hợp đồng:

Bên B bị phạt theo mức phạt là 0,2% (không phẩy hai phần trăm) của giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến và do lỗi của nhà thầu. Tổng số tiền phạt không vượt quá 8% (tám phần trăm) giá trị vi phạm của hợp đồng. Bên A sẽ khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của bên B.

Điều 12. Giám sát của Chủ đầu tư

Giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng.

Giám sát có thể đưa ra các chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của Giám sát.

Trường hợp bên mời thầu thay đổi Giám sát, bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn

bản cho nhà thầu.

Điều 13. Vật tư, máy móc, thiết bị

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

Điều 14. Bảo hành, sửa chữa, khắc phục sai sót

Nhà thầu bảo đảm thực hiện chế độ bảo hành đối với công trình như đã nêu trong HSDT, thực hiện bảo hành toàn bộ công trình trong thời gian 6 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng.

Nhà thầu phải mở thư bảo lãnh bảo hành cho công trình tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam (chẳng hạn như VCB, BIDV, ACB, MB, Techcom bank) để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, bảo lãnh bảo hành có giá trị tương đương 5% (năm phần trăm) giá trị quyết toán Hợp đồng theo Mẫu số 2, Phụ lục III của hợp đồng.

Kể từ ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc thời hạn bảo hành công trình, chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà thầu về các sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các sai sót được sửa chữa xong.

Mỗi lần có thông báo về sai sót trong công trình, nhà thầu phải tiến hành sửa chữa sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà chủ đầu tư đã thông báo.

Nếu nhà thầu không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định tại thông báo sai sót trong công trình thì chủ đầu tư được thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

Điều 15. Nghiệm thu, hoàn công

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư và nhà thầu ký xác nhận.

Điều 16. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: _____ [Ghi cụ thể thời gian] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: _____ [Ghi cơ chế xử lý tranh chấp].

Điều 17. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC I

PHẠM VI CÔNG VIỆC CỦA HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Stt	Mô tả công việc	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền trước thuế (VNĐ)	Thuế VAT 8% (VNĐ)	Thuế VAT 10% (VNĐ)	Thành tiền sau thuế (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
3								
4								
TỔNG CỘNG								

PHỤ LỤC II

YÊU CẦU XUẤT XỨ, CHỨNG CHỈ VẬT TƯ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH

I. Xuất xứ vật tư, thiết bị.

STT	CHUNG LOẠI VẬT TƯ	HÃNG / XUẤT XỨ	LOẠI CHỨNG CHỈ
1		
2		
3	...		
4	...		
5		

II. Chứng chỉ kiểm định

1. Kiểm định hệ thống cấp khí (bản gốc).
2. Kiểm định cho toàn bộ thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLD (bản gốc).

PHỤ LỤC III

CÁC BIỂU MẪU KÈM THEO HỢP ĐỒNG

Mẫu số 01

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Theo đề nghị của công ty..... (sau đây gọi là bên B) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu “Cung cấp lắp đặt PRU dự phòng cấp khí cho khách hàng Nhôm Đông Á” và đã ký kết hợp đồng số/2025/HĐKT – CNG về việc “Cung cấp lắp đặt PRU dự phòng cấp khí cho khách hàng Nhôm Đông Á” cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng).

Theo quy định trong hợp đồng, bên B phải nộp cho bên A bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng.

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho bên A bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ VNĐ như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày khi hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng hoặc từ ngày phát hành cộng thêm 60 ngày.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢO LÃNH BẢO HÀNH

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Theo đề nghị của Công ty.....(sau đây gọi là bên B) là nhà thầu đã trúng thầu gói “Cung cấp lắp đặt PRU dự phòng cấp khí cho khách hàng Nhôm Đông Á” và đã ký kết hợp đồng số/2025/HĐKT – CNG về việc “Cung cấp lắp đặt PRU dự phòng cấp khí cho khách hàng Nhôm Đông Á” cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng).

Chúng tôi, ____*[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại ____*[ghi địa chỉ của ngân hàng]*(sau đây gọi là “ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện trách nhiệm bảo hành của bên B với số tiền là.... VNĐ (bằng chữ:.....). Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện không hủy ngang cho bên A bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn là..... VNĐ như đã nêu ở trên, khi có văn bản của bên A thông báo bên B vi phạm trách nhiệm bảo hành trong thời hạn bản hành quy định trong hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết thời hạn bảo hành cộng thêm 05 ngày.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

(Sau đây gọi là Bên A)

[điền tên Hợp đồng, số Hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong Hợp đồng, [điền tên và địa chỉ của Nhà thầu] (sau đây gọi là Bên B) phải nộp cho Bên A một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Bên B sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] cho việc thực hiện hợp đồng,

Chúng tôi, [điền tên của Ngân hàng] ở [điền tên nước] có trụ sở đăng ký tại [ghi địa chỉ của Ngân hàng(1)] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Bên B, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Bên B phải xem xét trước, thanh toán cho Bên A khi Bên A có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của Hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới Hợp đồng được ký giữa Bên A và Bên B sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Bên bán nhận được khoản tạm ứng theo Hợp đồng cho tới hết ngày tháng năm (2).

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Địa chỉ Ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e.mail để liên hệ.
- (2) Ngày hết hạn thực hiện hợp đồng.

